

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

DANH SÁCH HỌC PHẦN ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH
ĐỐI TƯỢNG: HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA CẤP I KHÓA 2022-2024

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1		Dương Thành	Phước	11/1/1988	Gia Lai	Chăm sóc giảm nhẹ		
2		Lê Thanh	Thượng	11/20/1993	Thanh Hóa	Chăm sóc giảm nhẹ		
3		Phạm Thị Bảo	Trang	2/24/1995	Hà Tây	Chăm sóc giảm nhẹ		
4		Lê Nguyễn Trường	An	6/11/1994	Sông Bé	Chẩn đoán hình ảnh		
5		Nguyễn Thị Hương	An	1/10/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
6		Đình Thế	Anh	2/10/1991	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh		
7		Lê Thị Kim	Anh	9/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chẩn đoán hình ảnh		
8		Trần Quốc	Bảo	7/20/1989	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh		
9		Nguyễn Thị Kim	Cương	6/12/1992	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh		
10		Trần Thị Yên	Dân	7/7/1994	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh		
11		Trần Quý	Dậu	2/19/1993	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh		
12		Đỗ Thị Kim	Diệu	4/9/1991	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh		
13		Đình Thị Mỹ	Duyên	8/26/1993	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh		
14		Đặng Vũ Thảo	Hằng	12/20/1994	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh		
15		Trần Ngọc	Hằng	3/29/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
16		Trần Thị	Hằng	11/21/1995	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
17		Bùi Hồ Hoàng	Hạnh	7/2/1993	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh		
18		Hồ Thị Trung	Hạnh	12/11/1994	Khánh Hòa	Chẩn đoán hình ảnh		
19		Lê Thị	Hạnh	2/5/1993	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh		
20		Nguyễn Đắc	Hạnh	5/11/1992	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh		
21		Lương Trung	Hậu	8/14/1990	Kiên Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
22		Nguyễn Trung	Hậu	5/10/1991	Cà Mau	Chẩn đoán hình ảnh		
23		Nông Thị	Hiền	12/29/1992	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
24		Nguyễn Lê	Hoàng	6/16/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
25		Bùi Thị Thuý	Hồng	4/10/1992	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh		
26		Phan Thị	Hồng	10/27/1988	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh		
27		Võ Thị Kim	Huệ	7/18/1993	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
28		Dụng Thị Ngọc	Hương	9/21/1993	Bình Thuận	Chẩn đoán hình ảnh		
29		Lê Thị	Hương	2/11/1994	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh		
30		Vũ Thị Thùy	Hương	5/13/1990	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh		
31		Đặng Thị Kim	Hướng	12/10/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
32		Võ Thị	Hường	12/18/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
33		Hoàng Quang	Huy	5/30/1993	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh		
34		Lê Bá	Huy	5/25/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
35		Nguyễn Quang	Huy	9/19/1992	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh		
36		Trần Quốc Minh	Huy	12/26/1991	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
37		Đỗ Đăng	Khoa	8/20/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
38		Lê Thị	Kiều	7/15/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
39		Nguyễn Thị Hoa	Lan	3/14/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
40		Triệu Thị	Lan	12/15/1992	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
41		Nguyễn Việt Thanh	Liên	8/29/1993	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
42		Đông Nữ Bảo	Linh	9/1/1995	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
43		Trần Hồng	Loan	5/10/1994	An Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
44		Võ Đình Hoàng	Long	10/30/1990	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
45		Nguyễn Trường	Luân	9/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
46		Mai Lê Quốc	Luật	8/31/1994	Hậu Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
47		Lưu Thị Khánh	Ly	4/15/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
48		Lê Thị Hải	Lý	7/12/1989	Quảng Bình	Chẩn đoán hình ảnh		
49		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	9/3/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
50		Trần Phương	Mai	11/5/1994	Đà Nẵng	Chẩn đoán hình ảnh		
51		Nguyễn Đức	Mạnh	2/12/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh		
52		Võ Thanh	Minh	4/17/1974	Long An	Chẩn đoán hình ảnh		
53		Trần Thị	Nga	12/11/1993	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh		
54		Hà Thị	Ngà	8/10/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh		
55		Đào Lê Bích	Ngân	11/22/1994	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh		
56		Huỳnh Đỗ Vỹ	Ngân	3/28/1994	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh		
57		Nguyễn Thị Diễm	Ngân	1/27/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
58		Võ Thị	Ngọc	10/6/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh		
59		Lê Thái	Nguyên	6/15/1992	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh		
60		Trần Công	Nguyên	4/11/1993	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh		
61		Hoàng Thị	Nhâm	4/23/1992	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
62		Hồ Thị	Nhật	1/21/1993	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh		
63		Trương Thị Ý	Nhi	3/26/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
64		Nguyễn Đức	Phong	8/8/1993	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh		
65		Trần Vũ Thiên	Phúc	3/19/1992	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh		
66		Trịnh Ngọc	Phùng	12/28/1993	Bạc Liêu	Chẩn đoán hình ảnh		
67		Trần Hữu	Quang	2/3/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
68		Nguyễn	Thắng	3/26/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
69		Trương Thái Thiên	Thanh	4/25/1994	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh		
70		Nguyễn Chí	Thành	8/25/1994	Tây Ninh	Chẩn đoán hình ảnh		
71		Bùi Bích	Thảo	5/23/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
72		Lê Thị Mai	Thảo	1/27/1994	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh		
73		Ngô Nữ Phương	Thảo	12/1/1991	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh		
74		Nguyễn Thị Phương	Thảo	5/11/1991	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh		
75		Trương Thị Phương	Thảo	2/25/1993	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh		
76		Nguyễn Quang	Thịnh	7/14/1993	Tây Ninh	Chẩn đoán hình ảnh		
77		Phạm Đức	Thịnh	10/20/1989	Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh		
78		Phan Đức	Thịnh	9/10/1995	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
79		Dương Ngọc	Thơ	7/4/1993	Bạc Liêu	Chẩn đoán hình ảnh		
80		Lê Ngọc Minh	Thư	4/30/1994	Long An	Chẩn đoán hình ảnh		
81		Lê Thị Anh	Thư	4/7/1994	An Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
82		Nguyễn Hoàng Anh	Thư	10/17/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
83		Phạm Lâm	Thư	10/18/1993	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
84		Lý Công	Thức	5/18/1987	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh		
85		Nguyễn Thị Diệu	Thương	9/29/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
86		Trần Đức	Thương	4/30/1990	Cần Thơ	Chẩn đoán hình ảnh		
87		Đỗ Thị Anh	Thuy	11/22/1994	Long An	Chẩn đoán hình ảnh		
88		Nguyễn Thị Thủy	Tiên	8/3/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
89		Phạm Công	Tín	11/20/1993	Đà Nẵng	Chẩn đoán hình ảnh		
90		Tô Hoàng	Toàn	7/20/1994	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh		
91		Trần Nguyễn Như	Trâm	10/15/1993	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh		
92		Ma Thị Huyền	Trang	9/24/1990	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh		
93		Dư Vĩ	Trí	12/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
94		Đặng Thị Tuyết	Trinh	8/20/1988	Kon Tum	Chẩn đoán hình ảnh		
95		Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	10/10/1984	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh		
96		Lâm Thị	Trọng	8/15/1989	Trà Vinh	Chẩn đoán hình ảnh		
97		Nguyễn Xuân	Tuấn	4/30/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh		
98		Nguyễn Thanh	Tùng	3/7/1993	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh		
99		Phan Thị Thanh	Tuyền	10/24/1995	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh		
100		Phan Thị Thanh	Vân	12/4/1991	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh		
101		Cao Ngọc Tường	Vi	8/4/1992	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh		
102		Dương Quốc	Vinh	9/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh		
103		Trần Quang	Vinh	5/2/1995	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh		
104		Lương Văn	Anh	4/15/1990	Thanh Hóa	Chẩn thương chỉnh hình.		
105		Nguyễn Hoàng	Anh	6/1/1994	Thanh Hóa	Chẩn thương chỉnh hình.		
106		Hà Minh	Chí	1/25/1995	Nam Định	Chẩn thương chỉnh hình.		
107		Trần Văn	Chí	7/6/1991	Hà Tĩnh	Chẩn thương chỉnh hình.		
108		Nguyễn Đình	Chiều	7/25/1991	Đắk Lắk	Chẩn thương chỉnh hình.		
109		Nguyễn Huỳnh Trung	Đan	2/15/1995	An Giang	Chẩn thương chỉnh hình.		
110		Phạm Như	Đông	1/1/1992	Bạc Liêu	Chẩn thương chỉnh hình.		
111		Bùi Minh	Đức	4/23/1992	Trà Vinh	Chẩn thương chỉnh hình.		
112		Đỗ Minh	Đức	11/20/1991	Đắk Nông	Chẩn thương chỉnh hình.		
113		Huỳnh Mã Phương	Duy	6/18/1994	Đắk Lắk	Chẩn thương chỉnh hình.		
114		Lê Nguyễn Nhật	Duy	10/6/1995	An Giang	Chẩn thương chỉnh hình.		
115		Lục Minh	Duy	10/20/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn thương chỉnh hình.		
116		Huỳnh Đức	Hạnh	12/27/1995	Quảng Nam	Chẩn thương chỉnh hình.		
117		Nguyễn Minh	Hào	12/20/1994	Đắk Lắk	Chẩn thương chỉnh hình.		
118		Tăng Khánh	Hậu	12/10/1990	Cao Bằng	Chẩn thương chỉnh hình.		
119		Võ Tấn	Hoàng	5/19/1994	Quảng Nam	Chẩn thương chỉnh hình.		
120		Ngô Khánh	Hung	7/28/1994	Trà Vinh	Chẩn thương chỉnh hình.		
121		Nguyễn Anh	Huy	10/15/1994	Tiền Giang	Chẩn thương chỉnh hình.		
122		Biện Nhật	Kha	7/20/1995	Phú Yên	Chẩn thương chỉnh hình.		
123		Võ Duy	Khanh	2/10/1995	Quảng Ngãi	Chẩn thương chỉnh hình.		
124		Võ Phúc	Khánh	10/12/1994	Bến Tre	Chẩn thương chỉnh hình.		
125		Hồ Văn	Lộc	10/11/1994	Quảng Nam	Chẩn thương chỉnh hình.		
126		Nguyễn Từ Nhật	Minh	8/9/1995	Đắk Nông	Chẩn thương chỉnh hình.		
127		K'	Mus	1/8/1993	Lâm Đồng	Chẩn thương chỉnh hình.		
128		Vũ Văn	Ngọc	3/17/1989	Thái Bình	Chẩn thương chỉnh hình.		
129		Trương Thảo	Nguyên	1/23/1992	Đắk Lắk	Chẩn thương chỉnh hình.		
130		Phan Văn	Nhân	7/6/1993	Thanh Hóa	Chẩn thương chỉnh hình.		
131		Tổng Hoài	Nhân	11/13/1992	Sóc Trăng	Chẩn thương chỉnh hình.		
132		Nguyễn Minh	Nhật	3/8/1994	Hà Tĩnh	Chẩn thương chỉnh hình.		
133		Đặng Ngọc	Phát	9/14/1994	Gia Lai	Chẩn thương chỉnh hình.		
134		Lê Tiến	Phát	10/4/1993	Đồng Tháp	Chẩn thương chỉnh hình.		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
135		Nguyễn Đăng Bằng	Phi	5/25/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chấn thương chỉnh hình.		
136		Ngô Vũ	Phuong	9/12/1994	An Giang	Chấn thương chỉnh hình.		
137		Trần Vương	Son	7/7/1992	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.		
138		Phạm Thanh	Tài	3/20/1995	Phú Yên	Chấn thương chỉnh hình.		
139		Phạm Văn	Thạch	8/10/1993	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.		
140		Nguyễn Duy	Thái	6/22/1994	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.		
141		Trương Ngọc	Thanh	8/28/1995	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.		
142		Nguyễn Duy	Thành	6/11/1993	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.		
143		Nguyễn Chí	Thông	4/12/1995	Bình Định	Chấn thương chỉnh hình.		
144		A	Thư	1/11/1993	Kon Tum	Chấn thương chỉnh hình.		
145		Phạm Minh	Tiến	4/15/1995	Tiền Giang	Chấn thương chỉnh hình.		
146		Nguyễn Trường	Tiền	8/2/1987	Cà Mau	Chấn thương chỉnh hình.		
147		Son	Tiền	2/20/1991	Trà Vinh	Chấn thương chỉnh hình.		
148		Hồ Khắc	Tín	2/20/1995	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.		
149		Nguyễn Giang	Toàn	11/12/1994	Kon Tum	Chấn thương chỉnh hình.		
150		Trần Dương Minh	Trí	10/29/1994	Kiên Giang	Chấn thương chỉnh hình.		
151		Trần Đình	Tú	6/29/1995	Ninh Thuận	Chấn thương chỉnh hình.		
152		Triệu Văn	Việt	9/14/1993	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.		
153		Trần Thanh	Vũ	4/17/1992	Quảng Trị	Chấn thương chỉnh hình.		
154		Nguyễn Thúy	Bích	1/29/1995	Quảng Nam	Da liễu		
155		Đặng Thị Thúy	Cầm	10/6/1992	Trà Vinh	Da liễu		
156		Nguyễn Lưu Hồng	Đặng	12/6/1995	Bạc Liêu	Da liễu		
157		Nguyễn Hữu Thành	Đạt	10/13/1993	Cần Thơ	Da liễu		
158		Mai La	Giang	6/15/1994	Hà Tĩnh	Da liễu		
159		Hoàng Thị Khánh	Hà	11/4/1994	Tây Ninh	Da liễu		
160		Trần Thị Ngọc	Hà	3/26/1994	Bình Thuận	Da liễu		
161		Phạm Lữ Hạnh	Hoa	10/15/1995	Bến Tre	Da liễu		
162		Nguyễn Văn	Hoàng	10/11/1992	Sông Bé	Da liễu		
163		Thái Thị	Hồng	8/2/1993	Đà Nẵng	Da liễu		
164		Trần Thị	Huế	11/4/1993	Hà Nam	Da liễu		
165		Đỗ Thị Vân	Hương	7/4/1990	Lâm Đồng	Da liễu		
166		Đặng Trần Xuân	Khoa	1/28/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Da liễu		
167		Lê Bá Khánh	Linh	12/25/1991	Vĩnh Long	Da liễu		
168		Nguyễn Lê Thảo	Linh	12/19/1994	Hà Tĩnh	Da liễu		
169		Nguyễn Thị Thùy	Linh	3/3/1994	Thừa Thiên Huế	Da liễu		
170		Trà Thị Nhật	Mai	9/19/1993	Quảng Nam	Da liễu		
171		Trần Thị Thiều	My	5/22/1994	Quảng Ngãi	Da liễu		
172		Bùi Phương Thanh	Ngân	5/4/1994	Tiền Giang	Da liễu		
173		Nguyễn Phạm Ánh	Ngân	2/8/1995	Quảng Nam	Da liễu		
174		Đào Thị Bích	Ngọc	11/28/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Da liễu		
175		Nguyễn Thị	Nguyên	3/8/1993	Thanh Hóa	Da liễu		
176		Hà Thị Thanh	Nhàn	2/20/1995	Thanh Hóa	Da liễu		
177		Lê Thảo	Nhi	10/11/1995	Khánh Hòa	Da liễu		
178		Phạm Thị Hồng	Nhung	2/2/1992	An Giang	Da liễu		
179		Lê Quang	Phúc	5/10/1992	Quảng Ngãi	Da liễu		
180		Phan Sơn	Phước	1/11/1994	Kon Tum	Da liễu		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
181		Nguyễn Hoàng Uyên	Phuong	8/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Da liễu		
182		Hoàng Thị	Quý	1/19/1994	Đắk Lắk	Da liễu		
183		Phạm Văn	Thao	3/4/1992	Hải Dương	Da liễu		
184		Lê Thị Thu	Thảo	2/3/1993	Đồng Nai	Da liễu		
185		Nguyễn Trương Dạ	Thảo	1/8/1994	Quảng Ngãi	Da liễu		
186		Phan Mai Phương	Thảo	3/25/1993	Kiên Giang	Da liễu		
187		Nguyễn Thị Kim	Thi	9/9/1993	Đồng Tháp	Da liễu		
188		Nguyễn Thị Minh	Thi	4/4/1995	Phú Yên	Da liễu		
189		Hoàng Phú	Thọ	12/1/1994	Quảng Bình	Da liễu		
190		Lê Chế Quỳnh	Trâm	11/9/1994	Quảng Ngãi	Da liễu		
191		Võ Lê Thị Mai	Trinh	6/20/1994	Đồng Tháp	Da liễu		
192		Trương Thị Tường	Vi	7/9/1994	Gia Lai	Da liễu		
193		Ngô	Xinh	1/23/1995	Ninh Thuận	Da liễu		
194		Lê Thị Cẩm	Giang	7/7/1975	Tp. Hồ Chí Minh	Dinh dưỡng		
195		Trần Thị Mỹ	Linh	7/18/1994	Quảng Nam	Dinh dưỡng		
196		Quách Hữu	Lộc	7/18/1985	Đồng Nai	Dinh dưỡng		
197		Bùi Hoàng Bích	Uyên	4/20/1994	Quảng Ngãi	Dinh dưỡng		
198		Trần Thị Tường	Vi	8/6/1993	Quảng Nam	Dinh dưỡng		
199		Lê Huỳnh Quốc	Việt	9/22/1986	Tiền Giang	Dinh dưỡng		
200		Đào Thúc	Đình	10/18/1995	Nghệ An	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
201		Nguyễn Hoàng Minh	Dũng	5/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
202		Hoàng Văn	Duy	5/9/1992	Thái Bình	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
203		Nguyễn Kim	Hằng	12/7/1995	Lâm Đồng	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
204		Nguyễn Khắc	Huy	1/26/1993	Ninh Thuận	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
205		Cao	Lâm	8/28/1993	Đắk Lắk	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
206		Nguyễn Minh	Quang	5/6/1982	Nam Định	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
207		Nguyễn Kỳ	Quốc	9/9/1993	Hà Tĩnh	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
208		Nguyễn Đức	Thắng	1/9/1990	Lâm Đồng	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
209		Trần	Thượng	7/21/1985	Kiên Giang	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
210		Bùi Thanh	Toàn	3/15/1985	Đồng Tháp	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
211		Phạm Trọng	Trọng	6/20/1994	Bến Tre	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
212		Lê Văn	Ước	7/15/1994	Hải Dương	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
213		Nguyễn Tâm	Việt	2/12/1992	Quảng Bình	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
214		Nguyễn Yến	Xuân	1/26/1986	Bến Tre	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ		
215		Nguyễn Lan	Hương	10/31/1994	Đà Nẵng	Phục hồi chức năng		
216		Phùng Thị Thùy	Linh	8/21/1994	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng		
217		Nguyễn Cao	Minh	12/20/1994	Long An	Phục hồi chức năng		
218		Lưu Thái	Son	5/30/1993	Đắk Lắk	Phục hồi chức năng		
219		Lữ Thanh	Tâm	3/19/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Phục hồi chức năng		
220		Trần Phương	Thảo	12/2/1994	Bình Thuận	Phục hồi chức năng		
221		Lê Thị	Thủy	11/9/1994	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng		
222		Hồ Thị Thu	Trang	12/5/1994	Quảng Ngãi	Phục hồi chức năng		
223		Trương Hùng	Vỹ	1/5/1995	Gia Lai	Phục hồi chức năng		
224		Nguyễn Tuấn	Anh	5/7/1993	Ninh Bình	Tai Mũi Họng		
225		Trần Quang	Bách	4/23/1993	Ninh Bình	Tai Mũi Họng		
226		Phạm Hoài	Bão	3/28/1994	Đồng Tháp	Tai Mũi Họng		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
227		Nguyễn Thanh	Bình	2/2/1992	Lâm Đồng	Tai Mũi Họng		
228		Uông Thị	Chung	3/1/1994	Quảng Nam	Tai Mũi Họng		
229		Mã Văn	Chương	8/15/1988	Cà Mau	Tai Mũi Họng		
230		Nguyễn Việt	Cường	7/28/1994	Quảng Ngãi	Tai Mũi Họng		
231		Trần Hồng	Diễm	1/1/1992	Cà Mau	Tai Mũi Họng		
232		Nguyễn Thị	Dung	6/11/1994	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng		
233		Đoàn Hải	Dương	5/24/1995	Kiên Giang	Tai Mũi Họng		
234		Lương Thùy	Dương	5/18/1994	Long An	Tai Mũi Họng		
235		Phạm Thái	Hà	8/27/1995	Kiên Giang	Tai Mũi Họng		
236		Trần Thị Thu	Hà	11/15/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng		
237		Phạm Nguyễn Thu	HàNg	10/23/1993	Lâm Đồng	Tai Mũi Họng		
238		Mai Thị	Huyền	7/18/1993	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng		
239		Huỳnh Nhật	Luân	1/1/1993	Gia Lai	Tai Mũi Họng		
240		Hồ Minh	Mẫn	12/27/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng		
241		Nguyễn Thị Nhật	Minh	1/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng		
242		Võ Thảo	Nguyên	10/18/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng		
243		Phạm Tiến	Phát	11/20/1994	Long An	Tai Mũi Họng		
244		Trần Duy	Quý	1/19/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng		
245		Phạm Quang	Son	9/12/1993	An Giang	Tai Mũi Họng		
246		Hồ Văn	Thơ	8/10/1976	Bình Định	Tai Mũi Họng		
247		Nguyễn Trung	Thông	12/9/1995	Đồng Tháp	Tai Mũi Họng		
248		Nguyễn Thị	Thuận	3/25/1994	Thừa Thiên Huế	Tai Mũi Họng		
249		Đào Minh	Trí	12/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng		
250		Thạch Thụy Trinh	Trinh	12/9/1995	Cần Thơ	Tai Mũi Họng		
251		Nguyễn Hoàng	Trung	8/1/1993	Quảng Nam	Tai Mũi Họng		
252		Lê Quang	Vinh	1/30/1994	Nghệ An	Tai Mũi Họng		
253		Nguyễn Hữu	Vương	2/5/1991	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng		
254		Phan Văn	Chính	11/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
255		Nguyễn Duy	Cương	9/9/1992	Thừa Thiên Huế	Y học gia đình		
256		Lâm Tiến	Đạt	12/23/1993	Tây Ninh	Y học gia đình		
257		Bùi Ngọc	Diệp	4/8/1986	Tiền Giang	Y học gia đình		
258		Ngô Văn	Dinh	7/19/1994	Thanh Hóa	Y học gia đình		
259		Nguyễn Thị	Dinh	5/5/1990	Nam Định	Y học gia đình		
260		Cao Lập	Đức	3/24/1994	Tây Ninh	Y học gia đình		
261		Võ Minh	Giàu	10/13/1991	Tây Ninh	Y học gia đình		
262		Nguyễn Lê Thảo	Hạnh	9/13/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
263		Trịnh Thị Thục	Hiền	12/24/1982	Nghệ An	Y học gia đình		
264		Nguyễn Thị Linh	Huệ	3/6/1993	Quảng Ngãi	Y học gia đình		
265		Cao Đăng	Hưng	6/4/1989	Nghệ An	Y học gia đình		
266		Nguyễn Đăng	Hưng	2/6/1993	Lâm Đồng	Y học gia đình		
267		Sầm Thị	Hương	5/1/1993	Cao Bằng	Y học gia đình		
268		Trần Thị Vân	Khanh	3/22/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
269		Lê Thị Nhật	Lệ	7/1/1993	Phú Yên	Y học gia đình		
270		Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	12/7/1988	Bình Định	Y học gia đình		
271		Đặng Thị	Linh	6/12/1994	Bình Định	Y học gia đình		
272		Diệp Thị Mỹ	Linh	10/12/1993	Quảng Bình	Y học gia đình		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
273		Lý Hoàng	Long	4/11/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
274		Dương Thị	Na	6/6/1995	Quảng Nam	Y học gia đình		
275		Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	9/26/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
276		Lê Bá	Ngọc	3/1/1990	Thanh Hóa	Y học gia đình		
277		Lê Thị Hồng	Nhung	4/14/1995	Thanh Hóa	Y học gia đình		
278		Trần Thị Minh	Phương	5/23/1995	Bình Thuận	Y học gia đình		
279		Nguyễn Hoàng	Quân	8/28/1992	Đồng Nai	Y học gia đình		
280		Nguyễn Thái	Sang	3/26/1994	Ninh Thuận	Y học gia đình		
281		Nguyễn Minh	Tâm	10/28/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
282		Nguyễn Thanh	Tâm	10/10/1993	An Giang	Y học gia đình		
283		Nguyễn Cao	Thắng	3/20/1991	Đồng Tháp	Y học gia đình		
284		Bùi Thị Phương	Thảo	12/6/1991	Tây Ninh	Y học gia đình		
285		Phan Phương	Thảo	3/17/1993	Bình Thuận	Y học gia đình		
286		Nguyễn Thị	Thương	2/10/1983	Thanh Hóa	Y học gia đình		
287		Lê Thị Bích	Trâm	1/1/1991	Đồng Tháp	Y học gia đình		
288		Nguyễn Đào Phương	Trang	6/3/1990	Tây Ninh	Y học gia đình		
289		Phạm Minh	Triết	8/5/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình		
290		Phạm Duy	Tùng	4/22/1994	Sông Bé	Y học gia đình		
291		Nguyễn Văn	Vạn	12/30/1992	Kiên Giang	Y học gia đình		
292		Quách Lâm	Vũ	6/5/1994	Bình Dương	Y học gia đình		
293		Lê Như	Ý	10/15/1994	CHLB Đức	Y học gia đình		
294		Chu Hải	Yến	8/22/1992	Bình Phước	Y học gia đình		
295		Lê Thị Bảo	Yến	9/21/1994	Quảng Trị	Y học gia đình		

Ấn định danh sách này gồm 295 học viên

TRƯỞNG BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

Hiện diện:

Vắng mặt:

ThS. Đào Thị Thanh Hiền

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2